UBND XÃ Hưng Đạo

Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**7,299,492,780**	**2,000,000,000**	**5,299,492,780**	**1,942,126,907**		**1,942,126,907**	**26.61**		**36.65**
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	355,154,000	355,154,000							
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	28,000,000		28,000,000						
4	Chi văn hóa, thông tin	65,000,000		65,000,000	55,519,000		55,519,000	85.41		85.41
5	Chi phát thanh, truyền thanh	273,432,000		273,432,000	14,422,000		14,422,000	5.27		5.27
6	Chi thể dục, thể thao	399,142,000	399,142,000							
7	Chi bảo vệ môi trường	70,000,000		70,000,000	37,500,000		37,500,000	53.57		53.57
8	Chi các hoạt động kinh tế	387,179,800	252,308,000	134,871,800	79,688,600		79,688,600	20.58		59.08
	Giao thông	282,308,000	252,308,000	30,000,000						
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	104,871,800		104,871,800	79,688,600		79,688,600	75.99		75.99
9	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5,031,836,980	993,396,000	4,038,440,980	1,362,830,725		1,362,830,725	27.08		33.75
10	Chi cho công tác xã hội	375,748,000		375,748,000	168,724,000		168,724,000	44.9		44.9
11	Chi khác	230,000,000		230,000,000	223,442,582		223,442,582	97.15		97.15
12	Dự phòng	84,000,000		84,000,000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									